

KINH 12. NHÂN DUYÊN (2)¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?”

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường làm sao có thể là thường được?”

“Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não như vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 13. VỊ (1)²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì sẽ không nhiễm đắm sắc³. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên bị đắm trước.”

1. Gần giống kinh 11 trên. Pāli, S. 22. 19-20. Hetu.

2. Pāli, S. 22. 28. Assāda.

3. Pāli: no cedam bhikkhave rūpassa assāda abhaviṣṣa na yidaṃ sattā rūpasmiṃ sārājeyyaṃ, nếu (trước đó) đã không tồn tại vị ngọt của sắc, thì các chúng sanh không thể tham đắm nơi sắc.

“Cũng vậy, chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh ấy không bị đắm nhiễm thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên chúng sanh ấy bị nhiễm trước vào thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại⁴, thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán sắc. Vì sắc là mối hại của chúng sanh cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán sắc.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không phải là mối hại thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là mối hại của chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh mà không có sự xuất ly⁵, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly sắc.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không có sự xuất ly, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm⁶ này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác⁷.

“Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như

4. Hán: hoạn 𠄎. Pāli: adīnavo, tai họa, sự nguy hiểm.

5. Xuất ly 𠄎—F cũng nói là xuất yếu; Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, thoát ra khỏi chỗ nguy hiểm.

6. Thọ ấm 𠄎—A cũng nói là thủ uẩn. Pāli: upādānakkhandā.

7. Pāli: (.....) sattā sadevakā lokā samārakā sabrahmakā sassamaṇabrāhmaṇiṇā pajāya sadevamanussāya nissaṭṭā visamyuttā vippamuttā vimariyādikatena cetasā viharanti, (do biết rõ nên) các chúng sanh ấy, đối với thế giới này bao gồm Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng với trời và người, mà được thoát ly, tách ra khỏi, tự tại, an trú với tâm không bị câu thúc.

thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 14. VỊ (2)⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Trước kia Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của sắc⁹. Nếu khi cảm giác tùy thuận¹⁰ vị ngọt của sắc, thì đối với vị ngọt của sắc Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận thọ, tưởng, hành, thức, thì đối với vị ngọt của thức Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của sắc, thì đối với sự tai hại của sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của thức, thì đối với sự tai hại của thức Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sắc, thì đối với sự xuất ly sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly thọ, tưởng, hành,

⁸. Gần giống kinh 13 trên. Pāli, S. 22. 26-27. Assāda.

⁹. Ứ sắc vị hữu cầu hữu hành ————D——. Pāli: rūpassa assāda-pariyesanam acarim, Ta đã đi để tìm cầu vị ngọt của sắc.

¹⁰. Tùy thuận giác —H——. Pāli: yad rūpassa assādo tad ajjhagamam, Ta (đã) tiếp cận vị của sắc.

thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức thì đối với sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức Ta dùng trí tuệ để biết rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

*Quá khứ nói bốn kinh
Yểm ly và giải thoát
Nói hai kinh nhân duyên
Vị ngọt cũng hai kinh.*

M

KINH 15. SỬ¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ¹² đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu.

¹¹. Pāli, S. 22. 36. Bhikkhu; tham chiếu S. 22. 63-65. Upādiyāmano.

¹². Hán: đệ Tỳ-kheo 一一一C. Pāli: aññataro.

Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng¹³, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình¹⁴, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm¹⁵ cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vấn tất pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nếu để sai sử theo sử, tức là chết theo sử¹⁶. Nếu chết theo sử là bị thủ trôi buộc¹⁷. Nếu Tỳ-kheo không bị sai sử theo sử, thì sẽ không chết theo sử. Không chết theo sử, tức là giải thoát đối với

¹³. Độc nhất tịnh xứ -W-@-R-B. Pāli: eko vūpakaṭṭho, cô độc, cách biệt người đời.

¹⁴. Tín gia phi gia xuất gia -H-a-D-a-X-a. Pāli: agāasmā anagārayaṃ pabbajjati, từ bỏ gia đình, ra đi sống không gia đình.

¹⁵. Hiện pháp tác chứng -{ -k-@-. Pāli: diṭṭhe va dhamme sayaṃ abhiññā sacchikitvā, ngay trong đời nay, bằng thẳng trí, tự mình thể nghiệm.

¹⁶. Nhược tùy sử sử giả tức tùy sử tử -Y-H-----Y-H----. Hán dịch tối nghĩa. Có lẽ Pāli: yaṃ kho bhikkhu anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp theo cái gì thì nó suy lường theo cái đó. Pāli: anuseti, nghĩa đen: nằm theo, tiêm phục, tùy miên; danh từ phát sanh là anusaya: tùy miên, chỉ phiền não tiêm phục (tùy từng miên phục). Bản Hán hiểu anseti là do động từ sevati: phục vụ, nên dịch là tùy sử hay sai sử. Pāli: anumīyati (suy lường), do gốc động từ mā: đo lường; nhưng bản Hán hiểu là do động từ miyyati: chết, nên dịch là tùy tử (chết theo).

¹⁷. Tùy sử tử giả tắc vi thủ sở phục -H-----h-----. Pāli, yaṃ anumīyati tena saṃkhaṃ gacchati, nó suy lường theo cái gì, nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.46 kinh 16 dưới.

thủ.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối trong pháp yếu mà Ta đã lược nói, nếu người hiểu rộng nghĩa của nó thì phải như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử¹⁸. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Như vậy, trong pháp yếu được Thế Tôn nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo! Trong pháp yếu được Ta nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.

“Vì sao?”

“Sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Này Tỳ-kheo, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.”

¹⁸. Pāli: rūpam... anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp sắc, nó suy lường theo sắc.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật dạy xong tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui. Vị kia ở một mình nơi chỗ vắng tĩnh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập sống không buông lung rồi, vị kia tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

M